TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 16/2019/DS-ST Ngày: 27 - 6 - 2019 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2018/TLST-DS, ngày 10 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số AA, phường C, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T, Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tương L, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn C, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Quốc N, Chức vụ: Trưởng phòng Tín dụng đầu tư Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B (Giấy ủy quyền số 02/GUQ-NHPT.MHA ngày 22/02/2019) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Tuyết P (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

+ Ông Trần Hoàng Đ, sinh năm 1966 (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

+ Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

+ Ông Trần Hoàng Đ, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 cùng các văn bản khác kèm theo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển của Nhà nước theo Nghị định số 43/199/NĐ-CP ngày 29/6/1999 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển C (nay là Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B) có cho ông Nguyễn Minh Đ là chủ hộ nuôi tôm vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 10/HĐTD ngày 26/4/2004 đã ký giữa Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B với ông Nguyễn Minh Đ để thực hiện Dự án đầu tư nuôi tôm sú giống công nghiệp với số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Thời hạn ân hạn 03 tháng, thời hạn trả nợ gốc 33 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc sau 03 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/kỳ. Mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn trả nợ gốc 109.000.000 đồng/kỳ, mức trả nợ lãi kỳ hạn trả nợ lãi cuối cùng tháng 7/2007 là 55.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi tra hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay, lãi suất trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn): 5,4%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả) 130% lãi suất trong hạn. Thực tế Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B đã giải ngân cho ông Nguyễn Minh Đ vay vốn theo Hợp đồng tín dụng nêu trên số tiền là 600.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ vay số 07 ngày 26/4/2004 (ngày 26/4/2004 giải ngân 370.000.000 đồng, ngày 25/5/2004 giải ngân 230.000.000 đồng). Tổng dư nợ tính đến ngày 30/11/2018 ông Nguyễn Minh Đ còn nợ tại Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B cụ thể như sau: Tổng dư nợ 1.204.107.675 đồng. Trong đó: nợ gốc 600.000.000 đồng (nợ quá hạn 100% từ tháng 7/2007), nợ lãi 604.107.675 đồng. Về tài sản bảo đảm ông Nguyễn Minh Đ thế chấp cho ngân hàng khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2004-HĐTCTS ngày 26/4/2004 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2004-HĐTCTS ngày 25/5/2004. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số XX ngày 31/3/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp với diện tích 28.250m^2 tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh C nay là khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C và toàn bộ phần xây lắp

và thiết bị Dự án đầu tư nuôi tôm sú công nghiệp bao gồm: Đào ao nuôi tôm, ao xử lý nước, bờ bao, vải trải bờ bao, cống xi măng, chòi canh, hàng rào, hệ thống thổi, hệ thống oxy đáy, hệ thống quạt, máy D15… Từ khi Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B giải ngân cho đến nay ông Nguyễn Minh Đ không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký và đã phát sinh nợ quá hạn kéo dài nhiều năm. Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B đã nhiều lần gửi thông báo cũng như thư mời ông Nguyễn Minh Đ để làm việc nhưng vẫn không liên hệ được với ông Nguyễn Minh Đ, do ông Đ để phát sinh nợ quá hạn kéo dài nhiều năm nhưng ông Đ không còn ở địa phương. Ngày 13/6/2018, Chi nhánh Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B có gửi đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đ, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C đã ra Quyết định số 01/2018/QĐDS-ST ngày 02/8/2018 về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đ đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng X yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ trả cho Ngân hàng X số tiền vốn và lãi là 1.228.560.675 đồng (trong đó vốn vay là 600.000.000 đồng và lãi suất là 628.560.675 đồng); đồng thời buộc ông Đ phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc và yêu cầu đưa tài sản thế chấp ra xử lý theo quy định chung để thu hồi nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan là bà Nguyễn Tuyết P nhiều lần vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của Ngân hàng X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan, ông Trần Hoàng Đ trình bày:

Nguồn gốc phần đất ông Nguyễn Minh Đ thế chấp cho Ngân hàng X để vay tiền là do cha ruột của ông Nguyễn Minh Đ (ông Nguyễn Văn D) mua lại của người khác và cho ông Nguyễn Minh Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại phần đất trên ông do ông Trần Hoàng Đ cùng với vợ ông là bà Nguyễn Thị H và các con của ông là Trần Hoàng H, Trần Hoàng Đ, Đặng Thị T (con dâu) đang quản lý sử dụng. Do ông Nguyễn Minh Đ làm ăn thất bại nên đã cho gia đình ông thuê phần đất trên để canh tác, ông không biết việc ông Nguyễn Hoàng Đua đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn Ngân hàng. Phần đất ông đang quản lý sử dụng có diện tích lớn hơn so với diện tích đất ông Nguyễn Minh Đ được cấp giấy chứng nhận. Trường hợp Ngân hàng yêu cầu xử lý đối với diện tích đất ông Nguyễn Minh Đ đã thế chấp Ngân hàng thì ông đồng ý giao trả lại phần diện tích theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số XX ngày 31/3/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp với diện tích 28.250m^2 tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh C nay là khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C của ông Nguyễn Minh Đ, còn đối với phần dư ra do ông khai phá ông yêu cầu được nhận lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng Đ và bà Đặng Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của Ngân hàng X.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử

áp dụng các điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X buộc ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị P cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng X tổng số tiền 1.228.560.675 đồng (trong đó: vốn vay là 600.000.000 đồng và lãi suất là 628.560.675 đồng) cùng với việc xử lý tài sản thế chấp và án phí theo quy định chung của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng X khởi kiện ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đồng thời, ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng Đ và bà Đặng Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Xét về nội dung: Tại Hợp đồng tín dụng đầu tư số 10/HĐTD ngày 26/4/2004 giữa Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B với ông Nguyễn Minh Đ để thực hiện Dự án đầu tư nuôi tôm sú giống công nghiệp với số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 36 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Thời hạn ân hạn 03 tháng, thời hạn trả nợ gốc 33 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc sau 03 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/kỳ. Mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn trả nợ gốc 109.000.000 đồng/kỳ, mức trả nợ lãi kỳ hạn trả nợ lãi cuối cùng tháng 7/2007 là 55.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi trra hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay, lãi suất trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn): 5,4%/năm, lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả) 130% lãi suất trong hạn, hợp đồng này được thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên được công nhận. Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Minh Đ không thực hiện việc trả vốn và lãi theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng đã ký kết. Do đó ông Nguyễn Minh Đ phải chịu trách nhiệm trả toàn bộ vốn vay và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết tính đến ngày 27/6/2019 cho Ngân hàng X với tổng số tiền là 1.228.560.675 đồng (trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi là 628.560.675 đồng.

[3]. Ngân hàng X yêu cầu ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Thị P trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc. Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Tuyết P có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp.

[4]. Ngân hàng X yêu cầu đưa toàn bộ tài sản thế chấp cũng như toàn bộ tài sản hợp pháp khác (nếu có) của ông Đ ra phát mãi để thu hồi nợ nếu ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Tuyết P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, ông Đ dùng Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số XX ngày 31/3/1999 do UBND huyện C cấp với diện tích 28.250m^2 tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh C

(hiện tại phần đất tọa lạc tại khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C) và toàn bộ dự án đầu tư nuôi tôm gồm (phần xây lắp và phần thiết bị) do ông đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán. Hợp đồng này được thực hiện theo đúng quy định pháp luật, đã được công chứng, chứng thực nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng X về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất như đã nêu trên theo quy định của pháp luật.

Do các tài sản kèm theo Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2004-HĐTCTS ngày 25/5/2004 là toàn bộ phần xây lắp và thiết bị Dự án đầu tư nuôi tôm sú công nghiệp bao gồm: Đào ao nuôi tôm, ao xử lý nước, bờ bao, vải trải bờ bao, cống xi măng, chòi canh, hàng rào, hệ thống thổi, hệ thống oxy đáy, hệ thống quạt, máy D15… qua xem xét thẩm định tại chỗ thì các tài sản này đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên đại diện Ngân hàng không yêu cầu xem xét, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[5]. Đối với ông Trần Hoàng Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng Đ và bà Đặng Thị T là hộ gia đình quản lý phần đất của ông Đ đang thế chấp cho Ngân hàng để canh tác. Ông Trần Hoàng Đ chủ hộ gia đình, đại diện xác định không có ý kiến tranh chấp gì về phần đất, chỉ yêu cầu Ngân hàng lấy đủ diện tích đất đã thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số XX ngày 31/3/1999 do UBND huyện C cấp với diện tích 28.250m^2 tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh C (nay tọa lạc khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C) phần còn lại dư ra do ông khai phá thì để lại cho ông. Đại diện nguyên đơn cũng thống nhất theo ý kiến trình bày của ông Trần Hoàng Đ nên có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, ông Trần Hoàng Đ đại diện chủ hộ có trách nhiệm giao lại phần đất mà gia đình ông đang quản lý, canh tác cho ông Nguyễn Minh Đ để cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định chung trong trường hợp xử lý tài sản theo quy định tại Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6]. Bà Nguyễn Tuyết P là vợ ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì về vụ kiện trên. Tuy nhiên, quá trình thỏa thuận hợp đồng vay, thế chấp tài sản bà P và ông Đ có cùng ký kết vào hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2004-HĐTCTS ngày 26/4/2004. Do đó, bà P cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ và đưa tài sản đảm bảo thế chấp để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là phù hợp.

[7]. Việc hộ gia đình ông Trần Hoàng Đ quản lý đất của ông Đ để canh tác nếu sau này có tranh chấp thì giữa ông Trần Hoàng Đ và ông Đ tự thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng một vụ việc khác theo thủ tục chung.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng X không phải chịu, đối với số tiền Ngân hàng X đã nộp tạm ứng được nhận lại toàn bộ. Ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Tuyết P phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao. Áp dụng các điều 471, 474, 476 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Buộc ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Tuyết P cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền vốn vay là 600.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/6/2019 là 628.560.675 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.228.560.675 đồng (một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 28/6/2019, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Tuyết P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2004-HĐTCTS ngày 26/4/2004 giữa Ngân hàng X - Chi nhánh Ngân hàng X khu vực B với ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Tuyết P được đưa ra xử lý theo quy định của pháp luật tại Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

3. Buộc ông ông Trần Hoàng Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Hoàng H, ông Trần Hoàng Đ và bà Đặng Thị T cùng có trách nhiệm giao lại phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số XX ngày 31/3/1999 do UBND huyện C cấp với diện tích 28.250m^2 tọa lạc tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh C (nay tọa lạc khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh C) do ông Nguyễn Minh Đ đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định chung trong trường hợp xử lý tài sản theo quy định tại Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Minh Đ, bà Nguyễn Tuyết P phải chịu 48.856.820 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi đồng). Ngân hàng X được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 24.062.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007378 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước